TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 315/2023/QĐST- HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phan Trung T, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường Quang Trung, Tổ 2, Khu phố 4, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

2. Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1982; địa chỉ: 246/18/24 đường Phạm Ngũ Lão, Tổ 16, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 075, quyển số 01/2008, ngày 29/4/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Phan Phạm Minh T, sinh ngày 10/09/2008. Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H thống nhất giao con

chung là cháu Phan Phạm Minh T cho bà Phạm Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14/8/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 075, quyển số 01/2008, ngày 29/4/2009 do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Phạm Minh T, sinh ngày 10/09/2008.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phan Trung T và bà Phạm Thị Ngọc H mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012703 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khương Minh Trí